

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG CỦA V.I.LÊNIN VÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN MẬU LINH (*)

Tóm tắt: Trên cơ sở tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn căn cứ vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu, kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn biết vận dụng và phát triển sáng tạo, góp phần làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin bằng những luận điểm mới ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập, tự do và xây dựng chế độ xã hội mới. Bài viết tập trung nêu lên ba vấn đề nổi bật thể hiện rõ việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Cách mạng Việt Nam; chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng và phát triển sáng tạo.

Abstract: On the basis of independent, autonomous and creative mindset and in line with practical conditions of Vietnamese revolution, President Ho Chi Minh not only learned and inherited from Marxism-Leninism, but also flexibly adapted to apply and creatively develop it, contributing to enriching Marxism-Leninism with new arguments in the era of oppressed people rising up to fight for independence and freedom and build a new social regime. This paper focuses on three prominent issues that clearly demonstrate that President Ho Chi Minh applied and creatively developed V.I. Lenin's ideology into specific circumstances of Vietnamese revolution.

Keywords: Vietnamese revolution; Marxism-Leninism; Ho Chi Minh thought; creatively apply and develop.

Ngày nhận bài: 03/7/2024

Ngày biên tập: 05/9/2024

Ngày duyệt đăng: 24/9/2024

1. Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc góp phần phát triển tư tưởng của V.I.Lênin về cách mạng thuộc địa

Là một nhà mácxít sáng tạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều cống hiến trong việc vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng cống hiến quan trọng, căn bản nhất của Người là ở vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc. Vào thời điểm Người bôn ba tìm đường cứu nước, có hai sự kiện quan trọng là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản năm 1919 đã tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình chuyển biến tư tưởng của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển

biến này là vào tháng 7/1920, khi Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin. Những luận điểm cực kỳ quan trọng có ý nghĩa phương pháp luận của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa đã nhanh chóng được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tiếp nhận và nắm được bản chất của nó. Mốc đánh dấu bước ngoặt sự chuyển biến về chất từ một người yêu nước nhiệt thành trở thành một người cộng sản Việt Nam đầu tiên thể hiện ở hành động Người quyết định bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (tháng 12/1920). Đây cũng chính là thời điểm mà Người quyết định lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁽¹⁾.

(*) TS; Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đánh giá học thuyết của V.I.Lênin về cách mạng thuộc địa, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa... Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng, Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được”⁽²⁾. Tuy nhiên, sau khi V.I.Lênin mất, tư tưởng khá phổ biến trong các Đảng Cộng sản khi đó là đẩy mạnh đấu tranh giai cấp; xem nhẹ, hạ thấp vai trò cách mạng



Lãnh tụ V.I.Lênin tham gia cuộc diễu binh ở Quảng trường Đỏ, Mátxcova, năm 1919. (Ảnh tư liệu)

ở các nước thuộc địa, cho rằng “cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng chính quốc”; “cách mạng chính quốc có thành công thì cách mạng thuộc địa mới thành công”. Quan điểm này, vô hình trung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

Tiếp thu và bảo vệ quan điểm khoa học và cách mạng của V.I.Lênin, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã không ngừng đấu tranh để làm sáng tỏ mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Người đã ví chủ nghĩa tư bản như “con đĩa hai vò”, nên cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa phải liên hệ mật thiết với nhau như “hai cánh của một con chim” thì mới có thể giành được thắng lợi. Với nhận thức như vậy, trên các diễn đàn Đại hội Đảng Cộng sản Pháp và Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh sự đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản ở các nước chính quốc với nhân dân các dân tộc bị áp bức, đồng thời kiên quyết đấu tranh phê phán những người cộng sản chính quốc coi nhẹ vấn đề thuộc địa, không thiết tha quan tâm đến cách mạng thuộc địa. Người nêu rõ: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... hiện nay nọc độc và

sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa”⁽³⁾, nếu khinh thường cách mạng ở các thuộc địa tức là “muốn đánh chết rắn đằng đuôi”⁽⁴⁾; “vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác”⁽⁵⁾. Do nhận thức được thuộc địa là khâu yếu trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, trong khi tiềm năng cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa lại rất to lớn, nên Người đã dự báo từ rất sớm: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁽⁶⁾.

Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng chính quốc, mà nó cần phải tiến hành một cách chủ động, tích cực và có thể nổ ra, giành thắng lợi trước cách mạng chính quốc, tác động trở lại đối với cách mạng chính quốc. Rõ ràng, trong lúc quan điểm đặt cách mạng thuộc địa phụ thuộc trực tiếp vào thắng lợi của cách mạng

chính quốc đang ngự trị trong Quốc tế Cộng sản thì luận điểm trên của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là rất sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, đóng góp rất quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa. Thực tế thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng thuộc địa là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo.

2. Về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Từ giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, đã chứng kiến những hiệu quả tích cực của “chính sách kinh tế mới” của V.I.Lênin và thấy được những thành tựu bước đầu của nhân dân Liên Xô trên con đường xây dựng một chế độ xã hội mới. Tiếc rằng sau khi V.I.Lênin mất, những quan điểm đúng đắn, sáng tạo của Người không được tiếp tục thực hiện, thay vào đó dần dần xuất hiện một mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội.

Ảnh hưởng của Chính sách kinh tế mới (NEP) đối với cách mạng Việt Nam từ rất sớm, đó là vào năm 1925, trong Dự thảo Điều lệ của “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” đã trù tính sau khi đất nước độc lập thì cần phải thực hiện chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn cứ vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam để xây dựng quan niệm và lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp ở một nước chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội. Người đã chỉ ra những đặc điểm và mâu thuẫn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, mà đặc điểm to lớn nhất là “từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”⁽⁷⁾. Chính đặc điểm này đã thu tóm những mâu thuẫn, khó khăn, phức tạp chi phối toàn bộ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, và đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn mới cần được nhận thức, giải đáp một cách đúng đắn để tìm ra con đường với những hình thức, bước đi, cách làm chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm Việt Nam.

Kiểu quá độ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành là quá độ từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là kiểu quá độ chưa có tiền lệ trong lịch sử và hoàn toàn mới mẻ với Việt Nam. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trong điều kiện đất nước bị chia cắt và chiến tranh kéo dài, nên thời kỳ quá độ của Việt Nam là hết sức khó khăn, phức tạp và lâu dài. Do vậy, không thể chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn, rơi vào phiêu lưu, duy ý chí. Trong điều kiện như vậy, Người đặt vấn đề: “Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội?”⁽⁸⁾. Người đòi hỏi phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo; phải học tập, tham khảo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhưng phải hết sức tránh giáo điều, rập khuôn theo cách làm của người khác, bởi vì “nước ta có những đặc điểm riêng của ta”; “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽⁹⁾.

Bàn về phương hướng và tốc độ phát triển công nghiệp, Người nói: “Nếu muốn công nghiệp hóa gấp thì là chủ quan. Cho nên trong kế hoạch phải tăng tiến nông nghiệp. Làm trái với Liên Xô, đó cũng là mácxít”⁽¹⁰⁾. Thấm nhuần những chỉ dẫn của V.I.Lênin “phải kiên nhẫn bắc những nhịp cầu nhỏ, vừa tầm, lựa chọn những giải pháp trung gian, quá độ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo bước đi của thời kỳ quá độ ở Việt Nam phải qua nhiều bước “bước ngắn, bước dài, tùy theo hoàn cảnh”, “chớ ham làm mau, ham rầm rộ... Đi bước nào vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần”... Những tư tưởng của Người về chủ nghĩa xã hội, về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bước đi, phương thức tiến hành chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang được Đảng ta kế thừa, vận dụng và phát triển trong thời kỳ đổi mới.

3. Về vấn đề xây dựng chính đảng vô sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến

Quán triệt học thuyết của C.Mác về Đảng Cộng sản và trực tiếp từ học thuyết về Đảng vô sản kiểu mới của V.I.Lênin, xuất phát từ những điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo

học thuyết ấy để đi đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Về vấn đề này, Người đã nêu ra nhiều luận điểm mới, làm phong phú thêm học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người đã khẳng định: Cách mệnh trước hết “phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững, cách mệnh mới thành công”⁽¹¹⁾. Nhưng trong điều kiện của một nước thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, làm thế nào để xây dựng được một chính đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân? Khái quát quy luật đặc thù về sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”⁽¹²⁾. So với quan điểm của V.I.Lênin, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bổ sung một thành tố quan trọng đó là phong trào yêu nước. Đây là nét sáng tạo độc đáo của Việt Nam, đồng thời cũng là một kinh nghiệm quý báu đối với việc xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Từ luận điểm phải kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước để hình thành Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến kết luận: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam. Đây cũng là một luận điểm mới, bổ sung vào học thuyết về Đảng Cộng sản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những luận điểm trên đã định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có sự gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam; thể hiện rõ trách nhiệm rất lớn của Đảng đối với giai cấp, nhân dân và dân tộc. Đây là niềm vinh dự, tự hào lớn nhất của Đảng, là cội nguồn tạo nên sức mạnh của Đảng. Cũng chính vì thế mà Nhân dân và cả dân tộc Việt Nam đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình.

Đặc biệt, sau khi Đảng ta giành được chính quyền, vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trở thành mối quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong suốt 24 năm giữ cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, Người luôn căn dặn phải chăm lo xây dựng Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh để đoàn kết, lãnh đạo nhân dân phấn đấu thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng đã đề ra; đồng thời, Người luôn lo lắng, trăn trở làm sao để phòng, chống những nguy cơ thoái hóa, biến chất của một Đảng cầm quyền. Do đó, trong suốt tiến trình cách mạng, Người luôn quan tâm đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Trong di sản của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại những luận điểm hết sức quan trọng về lĩnh vực “then chốt” này, đó là: Đảng cầm quyền nhưng dân là chủ; Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân; phải thường xuyên chăm lo củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân; Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới để nhằm làm cho Đảng thực sự xứng đáng “là đạo đức, là văn minh”, tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, đặc biệt trong điều kiện Đảng cầm quyền là một đóng góp mới, làm phong phú học thuyết về xây dựng Đảng của V.I.Lênin; đã trở thành một di sản quý báu cho Đảng ta trong công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta đủ sức làm tròn vai trò lãnh đạo của mình trong thời kỳ lịch sử mới./.

Ghi chú:

(1), (7), (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.30, tr.411, tr.406.

(2), (11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tập 2, tr.147, tr.289.

(3), (4), (5), (6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tập 1, tr.295-296, tr.295-296, tr.304, tr.48.

(8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tập 11, tr.92.

(9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tập 10, tr.391.

(10) Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 5, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.442.